TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **138**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B -TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh - Cán bộ hưu trí

2. Bà Thiều Thị Phi Loan - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B: Bà Đặng Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2062/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2018/QĐXX-ST ngày 24/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 572/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1980

Địa chỉ: khu phố 3, phường L, Tp.B, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông Hồ Trung C, sinh năm 1979

Địa chỉ: khu phố 3, phường L, Tp.B, tỉnh Đồng Nai

(Bà H có mặt, còn ông C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà và ông Hồ Trung C xây dựng gia đình với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là hôn nhân hoàn toàn tự

nguyện, không có sự áp đặt, cưỡng ép của gia đình. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, đời sống không hạnh phúc . Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung là cháu Hồ Trung H, sinh ngày 22/6/2002, cháu Hồ Đại P, sinh ngày 21/01/2012. Ly hôn bà có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và cháu P đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Hồ Trung C mặc dù đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Hồ Trung C vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Hồ Trung C xây dựng gia đình với nhau vào năm 2000 có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bà H khởi kiện vụ án xin ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà H xét thấy: Theo bà H trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không còn tình cảm. Tòa án nhân dân TP. B đã triệu tập hợp lệ rất nhiều lần nhưng ông C vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H. Do ông C vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Toà án không thể tiến hành hoà giải đoàn tụ được. Điều này chứng tỏ ông C cũng không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không cố gắng khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có thể hàn gắn, đoàn tụ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được động viên hòa giải nhiều lần nhưng bà H vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông C. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H đã trầm trọng, cả hai đều không tìm cách hàn gắn quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông C.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông C có 02 con chung là cháu Hồ Trung H, sinh ngày 22/6/2002, cháu Hồ Đại P, sinh ngày 21/01/2012. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, cháu P đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để ông C có ý kiến về việc nuôi dưỡng cháu H và cháu P. Nhưng ông C không đến làm việc nên không có ý kiến đối với việc nuôi dưỡng hai cháu. Trong quá trình làm việc, cháu H có nguyện vọng để bà H chăm sóc. Vì vậy, giao cháu Hồ Trung H, sinh ngày 22/6/2002, cháu Hồ Đại P, sinh ngày 21/01/2012 cho bà Lê Thị H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông C được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà H trình bày thì về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung ông bà không có. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến của ông C về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H; Về con chung: Giao cháu Hồ Trung H, sinh ngày 22/6/2002, cháu Hồ Đại P, sinh ngày 21/01/2012 cho bà Lê Thị H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết; Về án phí: bà H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 ; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị H và ông Hồ Trung C.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Hồ Trung H, sinh ngày 22/6/2002 và cháu Hồ Đại P, sinh ngày 21/01/2012 cho bà Lê Thị H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông C được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà H phải chịu 300.000đ, trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B theo biên lai thu số 002779 ngày 09/10/2017

Bà H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và ông C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án hoặc kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh Đồng Nai;
-VKSND TP.B;
-THADS TP.B;
-Các đương sự (2);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu (3).

Nguyễn Thị Ngọc Trí

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**